

UNIT 8 : COUNTRY LIFE AND CITY LIFE

LISTEN AND READ (p.72_73)

*** New words

- | | |
|------------------------------|---|
| 1. away (adv) | ở xa , cách xa |
| 2. relative (n) | người bà con , họ hàng |
| 3. hear _ heard _ heard (v) | nghe thấy |
| 4. permanent (adj) | lâu bền , vĩnh viễn → permanently (adv) |
| 5. change (v) | thay đổi |
| 6. remote (adj) | xa xôi , hẻo lánh → remote areas (n) những nơi xa xôi |
| 7. not only ... but also ... | không những ... mà còn ... |
| 9. facility (n) | cơ sở vật chất |
| → medical facilities (n) | các phương tiện y tế |
| 10. accessible (adj) | có thể tiếp cận được |

Ex: Medical facilities are more easily accessible too

- | | |
|--------------------|----------------------------|
| 11. province (n) | tỉnh |
| 12. definite (adj) | chắc chắn |
| → definitely (adv) | 1 cách chắc chắn , rõ ràng |

Ex: Life in the provinces is definitely changing for the better.

- | | |
|---------------|----------|
| 13. offer (v) | cung cấp |
|---------------|----------|

Ex: The city has so much more to offer.

*** Practice

- Các em đọc bài hội thoại phần Listen and Read _ trang 72, 73 .

- Sau đó điền vào chỗ trống bài hội thoại bên dưới _ Đối chiếu đáp án phần Listen and Read _ SGK

Hoa: Hi, Na. Have you been (1) _____ ?

Na: Yes. I went to the (2) _____ for the weekend.

Hoa: Where did you go?

Na: I (3) _____ to Kim Lien. It's a (4) _____. Some of my (5) _____ live there.

Hoa: I've (6) _____ it's a beautiful place.

Na: It is. And it's very quiet and (7) _____.

I had a (8) _____ nice weekend, but I don't want to live there (9) _____ .

Hoa: Why not ?

Na: It's too (10) _____. There is (11) _____ to do.

Hoa: Yes, but things are changing in the countryside.

Na: Such as ?

Hoa: Many (12) _____ areas are getting electricity. People can now have things like refrigerators and

Na: And TV.

Hon: That too. TV is bringing not only (13) _____ but also (14) _____.

And medical (15) _____ are more easily (16) _____ too. Life in the provinces is (17) _____ changing for the better.

Na: But the city has so much more to offer.

Hoa: In many ways, I (18) _____ the countryside.

Life is simple, people are friendly and the air is clean.

**** Mục đích của BT này nhằm KT lại khả năng hiểu đoạn hội thoại của các em. BT cũng cung cấp cho các em cách nói về đời sống thành thị và nông thôn để giúp các em có thêm ngữ liệu cho các BT ở những phần sau.*

***** Practice**

Answer the questions.

- Where has Na been ?
- How long was she there ?
- What is her opinion of the countryside ?
- Na says, “ There is nothing to do.” . What does she mean by this ?
- What are some of the changes that Hoa mentions ?
- Do you prefer the city or the countryside ? Why ?

LISTEN (p.74)

***** Fill in the missing words.**

Lan: Hello.

Aunt Hang: Hello. Is (1) _____ Lan ?

Lan: Yes. Who is (2) _____ ?

Aunt Hang: (3) _____ Aunt Hang. How are you ?

Lan: I'm fine. (4) _____ are you phoning (5) _____ ?

Aunt Hang: Hue. I'm calling to tell you Uncle Chi and I are (6) _____ to visit you next (7) _____

Lan: Great ! When are you (8) _____ ?

Aunt Hang: On (9) _____ . We're arriving in Ha Noi in the (10) _____ (11) _____ .

Lan: OK. Do you want to (12) _____ to (13) _____ mom ?

Aunt Hang: Yes, please.

Lan: Hold on a moment and I'll (14) _____ her.

UNIT 8 : COUNTRY LIFE AND CITY LIFE

READ (p.75)

*** New words

1. rural (adj)	thuộc nông thôn	→	rural areas (n)	vùng nông thôn
2. urban (adj)	thuộc đô thị	→	urban area (n)	khu đô thị
3. well-paying (adj)	lương cao			
→ well-paying jobs	công việc được trả lương cao			
4. plentiful (adj)	nhiều , dồi dào			
→ plentifully (adv)	phong phú , dồi dào			
5. struggle (n) (v)	cuộc đấu tranh , cuộc chiến đấu / đấu tranh			
6. typhoon (n)	trận bão lớn			
7. flood (n)	trận lụt			
8. drought (n)	nạn hạn hán			
9. increase (v)	gia tăng	→	increased pollution (n)	sự ô nhiễm gia tăng
10. population (n)	dân số			
11. overcrowding (n)	tình trạng quá đông đúc			
12. strain (n)	sự quá tải	→	put a strain on sb / sth	: tạo 1 gánh nặng cho ai/cái gì
13. supply (v) (n)	cung cấp / nguồn cung cấp			
→ electricity supplies (n)	các nguồn cung cấp điện .			
14. result (n)	kết quả	→	unpleasant result (n)	
15. tragedy (n)	bi kịch			
16. provide (v)	cung cấp			
17. migrant (n)	dân di cư	→	migrate (v)	di cư

*** Practice

- Các em đọc bài phần Read _ trang 75 và Dịch sang Tiếng Việt .

- Sau đó điền vào chỗ trống bài đọc bên dưới _ ĐỐI CHIẾU ĐÁP ÁN PHẦN READ _ SGK .

* Many people from (1) _____ areas are leaving behind their traditional way of life and moving to the city. They believe that (2) _____ jobs are (3) _____ in the city.

* At home on the farm, life is always a (4) _____ with nature. (5) _____ , floods or (6) _____ can (7) _____ destroy a harvest and leave the farmer with little or no money until the following year. Often farmers look (8) _____ other work when they need more money for their family.

* The increase in (9) _____ , however, has led to (10) _____ in many cities. This puts a (11) _____ on schools and hospitals, as well as water and electricity (12) _____. (13) _____ pollution is another unpleasant (14) _____ .

* There is also a human side to this (15) _____. Families sometimes have to live (16) _____. In these cases, children may live at home with relatives, while their parents go and live in an (17) _____ area.

* Governments all over the world are trying to (18) _____ facilities for these (19) _____, but it can be quite a problem.

1. Complete the summary. Use information from the passage.

People from the countryside are (1) _____ their (2) _____ to go and live in the (3) _____. Farming can sometimes be a difficult life and these people from (4) _____ areas feel the (5) _____ offers more opportunities. However, many people coming to the city create (6) _____. There may not be enough (7) _____ or (8) _____, while water and electricity supplies may not be adequate. This is a (9) _____ facing governments around the (10) _____.

2. Find the word in the passage that means.

- | | |
|-----------------------------------|-----------------------------------|
| a) of the countryside | d) a great pressure |
| b) as many as needed | e) a terrible event |
| c) become greater or larger | f) of the city or city life |

LANGUAGE FOCUS (p.77_79)

*** Complete the dialogues. Use the verbs in the present progressive tense.

a. Nam: What are you doing tonight?

Bao: I'm **playing** table tennis.

b. Thach: Would you and Lan like to go to the movies?

Hoa: Sorry, we can't. We (1) _____ homework.

c. Vui: Are you watching the seven o'clock news ?

Nhat: No, I (2) _____ a program on rainforests.

d. Hoa: I'm going to the beach on Saturday.

Lan: Lucky you. I (3) _____ to my violin lesson.

e. Thoa: Are you free on Sunday afternoon ?

Na: No. Mom and I (4) _____ the house.

f. Nga: Can you fix my computer on Friday afternoon ?

Lam: I'm afraid not. I (5) _____ a meeting that afternoon.

